

# NHU CẦU NGHỆ THUẬT VÀ THỊ HIỆU THẨM MỸ CỦA CÔNG CHÚNG HÀ NỘI

TRẦN KIM XUYẾN

Xác định khán giả của các loại hình nghệ thuật và tìm hiểu thị hiếu của họ là một khâu quan trọng trong việc nghiên cứu mối quan hệ giữa nghệ thuật và công chúng. Nó giúp cho các nhà làm công tác nghệ thuật nắm được tâm tư, nguyện vọng của công chúng, làm cho các loại hình nghệ thuật của họ lôi cuốn được các khán giả. Nó còn giúp cho giáo dục thị hiếu đúng đắn cho quần chúng.

## 1. Thành phần công chúng của nghệ thuật.

Mỗi loại hình nghệ thuật có một loại công chúng riêng của nó. Có những loại hình nghệ thuật được nhóm này hoan nghênh, nhưng lại không được nhóm khác hưởng ứng. Việc lựa chọn các loại hình nghệ thuật nhiều khi bị chi phối bởi đặc điểm tâm lý của lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp. Công chúng của một loại hình nghệ thuật được xác định bởi số người đi xem là số lần đi xem đối với loại hình nghệ thuật ấy.

### *a) Công chúng của điện ảnh.*

Phim là loại hình nghệ thuật lôi cuốn được nhiều khán giả Thủ đô nhất: 78,7% trong số những người được hỏi. Trong thành phần khán giả của phim, nam đông hơn nữ, thanh niên đông hơn trung niên. Đối với các nhóm nghề nghiệp, thì sinh viên đi xem đông nhất (95% số người được hỏi), rồi lại những người thợ tiểu thủ công nghiệp, sau nữa là công nhân, học sinh, trí thức, và cuối cùng, nhóm viên chức có ít người đi xem nhất: chỉ có 60,4% số người được hỏi (xem bảng 1, cột 1). Về số lần đi xem, nam vẫn đi nhiều lần hơn nữ, thanh niên cũng đi nhiều hơn trung niên. Nhóm sinh viên đứng đầu các nhóm về số lần đi xem. Nhóm tiểu thủ công nghiệp có

đông người xem phim hơn nhóm công nhân, nhưng về số lần thì nhóm công nhân lại đi xem nhiều hơn. Còn các nhóm khác giữ những con số tỷ lệ thuận giữa số người đi xem và số lần đi xem phim của nhóm.

*b) Khán giả của ca múa nhạc.*

Ca múa nhạc là hình thức sân khấu kết hợp cả ba thể loại của nghệ thuật mang tính hiện đại cao. Loại hình này có nhiều nữ đi xem hơn nam (nữ - 58,8%, nam - 56,1%) nhưng về số lần đi xem thì nam lại nhiều hơn nữ. Ca múa nhạc đặc biệt có ưu thế với tuổi trẻ. Số thanh niên đi xem loại hình nghệ thuật này đông gấp 2 lần những người đứng tuổi (trên 30 tuổi) và số lần đi xem của họ cũng nhiều gấp 2 lần. Trong mối tương quan với nghề nghiệp, sinh viên đi xem ca múa nhạc nhiều nhất cả về số lượng và số lần đi xem (76,2% và tần số 2,6). Sau đó tới nhóm công nhân (61,4% số người đi xem và 2,6 lần đi xem). Nhóm tiểu thủ công có số người đi xem bằng nhóm công nhân, nhưng số lần đi xem lại ít hơn (2,2 lần). Học sinh là nhóm đứng vị trí thứ tư về số lần đi xem lẫn số người đi xem. Sau đó tới nhóm trí thức. Nhóm viên chức thể hiện sự thờ ơ nhất đối với ca múa nhạc (34,9% người đi xem và số lần đi là 1,1 lần).

*c) Khán giả của cải lương .*

Cải lương là một loại hình nghệ thuật cổ, nhưng nó vẫn lôi cuốn được đông đảo khán giả của Thủ đô. Nếu như ở một số loại hình khác, nam đi xem đông hơn nữ thì ở đây, nữ lại tỏ ra ưa chuộng cải lương hơn nam (42,6% nữ đi xem cải lương, số nam đi xem chỉ chiếm 31,2%; trung bình 4 tháng nữ xem 1,3 lần, còn nam chỉ xem 0,9 lần). Khán giả của cải lương cũng có đặc điểm về lứa tuổi là thanh niên. Số trung niên đi xem chỉ bằng 1/2 số thanh niên đi xem và về số lần xem cũng chỉ bằng 1/2 nhóm kia mà thôi (xem bảng 1 và 2). Các nhóm nghề nghiệp cũng phân bố không đều trong cơ cấu khán giả cải lương. Nếu như cải lương lôi cuốn được quá nửa (61,2%) số thợ tiểu thủ công nghiệp được hỏi và gần một nửa nhóm công nhân, thì nó chỉ có lượng khán giả là học sinh rất ít ỏi (15,2%), khoảng 1/1 viên chức, trí thức và sinh viên trong số người được hỏi cũng đến với cải lương. Số người đi xem nhiều lần nhất vẫn là công nhân và tiểu thủ công.

*d) Khán giả của xiếc:*

Trong đối tượng điều tra, xiếc tỏ ra có ưu thế với nam hơn nữ, và với thanh niên hơn người lớn tuổi. Công nhân có nhiều người đi xem xiếc, và số lần đi của họ cũng nhiều hơn hẳn các nhóm nghề nghiệp (15,5% và 1,0 lần). Thứ hai là nhóm tiểu thủ công nghiệp (36,7% và 1,0 lần); sau nữa là nhóm sinh viên (32,3% và 0,9 lần). Nhóm viên chức có số lượng người xem bằng nhóm học sinh. (29,3%), nhiều hơn nhóm trí thức, nhưng về số lần đi xem lại bằng nhóm trí thức và thấp hơn nhóm học sinh (xem bảng 1 và 2)

*d) Khán giả của kịch nói. ..*

Cũng như với cải lương, nữ tỏ ra thích kịch nói hơn nam giới (số người đi xem đông hơn và số lần đi xem cũng nhiều hơn: 42,6% và 1,3 lần). Số thanh niên đi xem kịch nói đông gấp 2 lần trung niên (50%, 1.5 lần và 26,3%, 0,7 lần). Có quá nửa số sinh viên và gần một nửa số thợ tiểu thủ công, học sinh và công nhân đi xem kịch nói. Những người của các nhóm này cũng đi xem nhiều lần hơn các nhóm như trí thức và viên chức. Hai nhóm cuối cùng này lại tỏ ra thờ ơ với kịch nói nhất.

*e) Khán giả của tuồng, chèo.*

Cũng như cải lương, tuồng và chèo là hai loại hình nghệ thuật cổ truyền của dân tộc. Tuy vậy, nếu nhân dân Thủ đô còn tương đối nhiều người đi xem cải lương, thì với chèo, bức tranh phác họa về cơ cấu khán giả lại hoàn toàn khác. Trước hết số lượng người xem chỉ có 6,4% của số người được hỏi.

Trong vòng 4 tháng, 6,4% số người đi xem ấy cũng chỉ đi chưa tới 0,2 lần. Nếu xét về lứa tuổi thì tuồng chèo có nhiều khán giả lớn tuổi hơn: có 15,2% người trên 30 tuổi đi xem loại hình này, trong khi đó thanh niên chỉ có 7,0% người đi xem mà thôi. Tuy nhiên, về số lần đi xem, thanh niên lại đi nhiều gấp 2 trung niên. Đối với loại hình nghệ thuật này, khán giả nam là nữ chênh nhau không nhiều cả về số lần xem lẫn số người đi xem. Chỉ nhóm sinh viên có số người đi xem tuồng, chèo là tương đối đông mà thôi. Các nhóm nghề nghiệp khác, cao nhất cũng chỉ có 8,2% người đi xem (nhóm tiểu thủ công). Nhóm học sinh là nhóm tỏ ra lãnh đạm với tuồng, chèo nhất (1,3% người đi xem), rồi đến viên chức (3,7%) và trí thức (4,6%).

	Phim	Kịch	Cải lương	Tuồng, chèo	Xiếc	Ca múa nhạc	Triển lãm
Nam	3,3	1,1	0,9	0,3	0,9	2,1	1,7
Nữ	3,1	1,3	1,3	0,1	0,8	2,0	1,4
Dưới 30	3,8	1,5	1,4	0,2	1,0	2,5	1,6
Trên 30	1,9	0,7	0,7	0,1	0,6	1,1	1,3
CN	3,5	1,3	1,5	0,2	1,1	2,5	1,6
VC	2,0	0,6	0,6	0,1	0,6	1,1	1,2
TT	2,5	1,0	0,6	0,1	0,6	1,3	1,6
TTC	3,4	1,4	2,1	0,2	1,0	2,2	1,8
HS	2,6	1,2	0,4	0,3	0,8	1,4	1,0
SV	5,0	1,8	0,8	0,3	0,9	2,6	2,2

Qua hai bảng 1 và 2, chúng ta còn thấy thái độ của các nhóm nghề nghiệp đối với các loại hình nghệ thuật.

Như vậy, qua kết quả nghiên cứu, chúng tôi rút ra một số kết luận sau:

- Điện ảnh là loại hình nghệ thuật được quần chúng hưởng ứng nhiều nhất.

*Bảng 1: Số người đi xem các loại hình nghệ thuật của các nhóm (%)*

	Phim	Kịch	Cải lương	Tuồng, chèo	Xiếc	Ca múa nhạc	Triển lãm
Nam	83,5	39,7	31,2	7,0	35,5	56,1	64,7
Nữ	75,1	42,6	42,6	26,0	27,4	58,8	56,6
Dưới 30	86,8	50,0	44,2	7,0	36,7	66,6	63,3
Trên 30	61,5	26,3	25,6	15,2	25,6	33,6	53,2
CN	81,9	42,6	49,8	7,8	45,5	61,1	61,2
VC	60,4	26,6	22,0	3,7	29,4	34,9	51,4
TT	69,5	33,0	21,2	4,6	18,5	37,8	62,2
TTC	86,7	45,6	61,2	8,2	36,7	61,3	64,0
HS	74,0	43,4	15,2	1,3	29,3	53,3	42,7
SV	95,5	58,4	30,3	21,9	32,3	76,2	81,2

*Bảng 2: Tần số đi xem của các nhóm đối với các loại hình nghệ thuật (tính bằng điểm số)*

- Công chúng của phim trước hết là những người trẻ tuổi đông nữ hơn nam. Về nghề nghiệp, phim lôi cuốn hầu hết các nhóm nghề nghiệp, nhưng đông nhất vẫn là sinh viên học sinh công nhân.

- Công chúng của dịch nổi bật là nữ, thanh niên và nhóm sinh viên, thủ công nghiệp, công nhân.

- Công chúng của cải lương có đặc điểm là nhiều người trẻ tuổi, nhiều nữ và nhiều người làm nghề thủ công nghiệp, công nhân, viên chức.

- Tuồng, chèo thu hút được nhiều người lớn tuổi và sinh viên. Lượng nam, nữ trong khán giả ở đây gần bằng nhau.

- Xiếc có khán giả trẻ là nữ nhiều. Nhóm công nhân và tiểu thủ công có quan hệ thường xuyên với loại hình nghệ thuật này hơn so với những nhóm nghề nghiệp khác.

- Ca múa nhạc có lượng nam, nữ cân đối, nhưng số trẻ tuổi vẫn chiếm số đông. Sinh viên, công nhân, tiểu thủ công nghiệp là những người hay xem loại hình nghệ thuật này.

Đối với một số loại hình nghệ thuật khác, chúng tôi chưa có điều kiện khảo sát hết, chỉ đi vào một số loại hình tương đối phổ biến, và cũng chỉ với mục đích phân loại công chúng của các loại hình nghệ thuật. Ở đây, chúng tôi không đi sâu vào việc phân tích đặc điểm tâm - sinh lý từng lứa tuổi hay từng nhóm nghề nghiệp.

## **2. Thị hiếu của công chúng đối với các loại hình nghệ thuật.**

Chúng ta đều biết, mỗi người có sở thích riêng, nhưng thị hiếu của cá nhân dù đa dạng đến đâu vẫn có tính phổ biến, nghĩa là vẫn tiêu biểu cho bản chất giai cấp, vẫn có những đặc điểm dân tộc và mang dấu ấn thời đại. Thị hiếu bị chi phối bởi đặc điểm tâm lý, lứa tuổi... Sự đánh giá khác nhau về những thể loại khác nhau về những đề tài khác nhau của từng thể loại, nói lên sự khác nhau về thị hiếu thẩm mỹ của quần chúng. Chính thị hiếu đã chi phối sự thưởng thức nghệ thuật.

Chúng tôi tìm hiểu thị hiếu của công chúng đối với các loại hình nghệ thuật, và sau đó tìm hiểu thị hiếu công chúng đối với các loại đề tài.

Chúng tôi chọn 12 loại hình nghệ thuật phổ biến nhất trong việc nghiên cứu thị hiếu (phim, ca múa nhạc, cải lương, kịch nói, nhạc nhẹ, xiếc, tranh ảnh, vũ balê, nhạc dân tộc, múa rối, chèo, tuồng) để xét mức độ ham thích của các đối tượng. Chúng tôi đo qua ba mức độ: rất thích, thích và không thích, từ đó tính được cường độ ham thích của từng đối tượng.

Nhìn chung, có thể sắp xếp các loại hình nghệ thuật theo mức độ hứng thú của các đối tượng như sau :

- |                |                 |
|----------------|-----------------|
| 1. Phim        | 7. Tranh ảnh    |
| 2. Ca múa nhạc | 8. Balê         |
| 3. Cải lương   | 9. Nhạc dân tộc |
| 4. Kịch nói    | 10. Múa rối     |
| 5. Nhạc nhẹ    | 11. Chèo        |
| 6. Xiếc        | 12. Tuồng.      |

Bảng thứ tự này phù hợp với mức độ đi xem của khán giả đối với phim và một số loại hình sân khấu.

Trong mối tương quan giữa sự ham thích các loại hình nghệ thuật với giới tính chúng tôi nhận thấy: Nếu như nữ giới tỏ ra ham thích cải lương hơn những loại hình khác (ngoài phim) thì nam giới lại xếp cải lương xuống hàng thứ 5 trong sự ham thích của mình. Nếu nữ coi vũ balê và tranh ảnh nghệ thuật như nhau (vị trí thứ 5) thì nam lại thích vũ balê ngang nhạc nhẹ dân tộc (vị trí thứ 8). Còn đối với các loại hình khác thì thứ tự của sự ham thích gần như nhau, chỉ khác về cường độ mà thôi (ví dụ: nam thích phim nhiều hơn nữ - 1,71 điểm, trong khi đó nữ chỉ có 1,67 điểm thôi; xiếc trong nhóm nam có cường độ ham thích là 1,22 điểm, còn nhóm nữ chỉ có 1,06 điểm).

*Về lứa tuổi.* Nhóm trung niên thích chèo nhất trong các loại hình nghệ thuật, trong khi đó nhóm thanh niên lại tỏ ra rất thờ ơ với chèo. Họ xếp chèo xuống hàng thứ 11 trong sự ham thích của mình, chỉ trên có tuồng, mà thôi. Về cường độ, nhóm thanh niên chỉ đánh giá chèo có 0,3 điểm trong sự ham thích của mình mà thôi. Ca múa nhạc đứng thứ 2 trong sự ham thích của thanh niên thì lại đứng thứ 5 trong sự ham thích của trung niên. Những đối tượng trên 30 tuổi thích kịch nói hơn ca múa nhạc nhưng những

đối tượng dưới 30 tuổi lại tỏ ra thích ca múa nhạc hơn kịch nói. Cải lương lại được nhóm thanh niên thích hơn nhóm trung niên.

Mức độ yêu thích các loại hình nghệ thuật có sự khác nhau khá lớn. Tính chất của nghề nghiệp ảnh hưởng nhiều đến thị hiếu nghệ thuật của quần chúng. Qua nghiên cứu, chỉ có phim (đứng vị trí số 1 trong sự ham thích của hầu hết các nhóm), múa rối, chèo tuồng (lần lượt đứng vị trí thứ 10, 11, J2) là ổn định mà thôi. Còn các loại hình nghệ thuật khác, có lúc tỏ ưu thế ở nhóm nghề nghiệp này nhưng lại mất ưu thế ở nhóm kia.

Trong các nhóm nghề nghiệp thì nhóm trí thức và viên chức là hai nhóm cơ sở thích tương đối giống nhau hơn cả. Trong sự ham thích các loại hình nghệ thuật của hai nhóm này, chỉ có nhạc nhẹ và cải lương đổi vị trí cho nhau mà thôi. Trí thức tỏ ra thích nhạc nhẹ hơn, còn viên chức lại thích cải lương hơn. Nhóm trí thức thích nhạc dân tộc, xiếc, vũ balê như nhau, nhưng nhóm viên chức có phân biệt hơn: thích xiếc hơn, rồi đến nhạc dân tộc sau đó mới đến vũ balê.

Nhóm sinh viên và học sinh: là hai nhóm khác nhau về trình độ học vấn và lứa tuổi, sở thích của hai nhóm này chỉ gặp nhau ở những loại hình phim (đứng thứ nhất), nhạc dân tộc (đứng thứ 9), múa rối (thứ 10), chèo (thứ 11), tuồng (thứ 12); còn đối với nhóm loại hình nghệ thuật khác, sự ham thích bị phân hóa. Nhóm học sinh tỏ ra thích xiếc (chỉ đứng hàng thứ 2 sau phim), nhưng nhóm sinh viên lại thờ ơ với loại hình này (đứng hàng thứ 8 của sự ham thích). Ngược lại, nhóm sinh viên thích nhạc nhẹ (hàng thứ 2 của sự tham thích) thì nhóm học sinh lại chỉ thích một cách vừa phải mà thôi (hàng thứ 5). Nhóm học sinh thích cải lương (vị trí thứ 3) hơn ca múa nhạc (vị trí thứ 4), còn nhóm sinh viên thích ca múa nhạc hơn cải lương rất nhiều (cải lương vị trí thứ 8, ca múa nhạc vị trí thứ 3 của sự ham thích).

Hai nhóm công nhân và tiểu thủ công gặp nhau trong sở thích ca múa nhạc (vị trí thứ 3), kịch nói (vị trí thứ 4), nhạc dân tộc, múa rối, chèo, tuồng (vị trí 9, 10, 11, 12). Đặc biệt nhóm tiểu thủ công còn thích cải lương hơn cả phim. Nhóm công nhân thì ngược lại thích phim hơn. Công nhân thích nhạc nhẹ hơn xiếc, tranh ảnh, và



balê, nhưng nhóm tiểu thủ công lại thích xiếc hơn cả, rồi tới tranh ảnh, vũ balê rồi mới tới nhạc nhẹ.

Như vậy, sở thích đối với các loại hình nghệ thuật của các nhóm xã hội rất khác nhau. Nó bị chi phối bởi lứa tuổi, giới tính, tính chất công việc của từng nghề nghiệp. Tuổi trẻ thường thích những loại hình mới mang tính hiện đại, sôi nổi. Nữ thích những loại hình dễ tác động tới tình cảm. Những người làm việc trí óc cũng thích hợp với những loại hình mang tính hiện đại, đòi hỏi phải có trình độ tư duy. Lứa tuổi học đường thích âm nhạc và những loại hình mới...

### **3. Thị hiếu của công chúng đối với các đề tài.**

Trong các đề tài, chúng tôi chọn ra 5 đề tài tiêu biểu nhất: tâm lý xã hội, chiến đấu, phản gián, lịch sử, khoa học viễn tưởng.

Qua kết quả xử lý, chúng tôi nhận thấy: nói chung, những người tham gia trả lời bảng hỏi đều tỏ ra thích đề tài tâm lý xã hội nhất rồi mới tới các đề tài phản gián, khoa học viễn tưởng, chiến đấu, và cuối cùng là đề tài lịch sử.

Đối với sự ham thích các đề tài, cả nam và nữ đều có thang bậc của sự ham thích như nhau, nhưng nếu xét về mức độ thì lại có sự khác biệt. Chẳng hạn, nếu như ở đề tài chiến đấu, lịch sử, viễn tưởng, nam tỏ ra thích nhiều hơn nữ, thì ở đề tài tâm lý xã hội, nữ lại thích hơn nam.

Trong mối tương quan giữa sự ham thích các đề tài với lứa tuổi sự khác biệt cũng thể hiện khá rõ về cường độ. Đối với đề tài tâm lý xã hội, thanh niên tỏ ra thích hơn trung niên (1,65 điểm và 1,62 điểm). Cũng tương tự như vậy, đối với đề tài chiến đấu (1,07 điểm và 0,92 điểm), phản gián (1,58 điểm và 1,53 điểm), viễn tưởng (1,32 điểm và 1,09 điểm). Riêng đối với đề tài lịch sử thì ngược lại, trung niên thích hơn thanh niên (thanh niên 0,77 điểm, trung niên 0,96 điểm).

Các đề tài cũng chiếm những vị trí khác nhau trong sự yêu thích của các nhóm nghề nghiệp. Đề tài tâm lý xã hội được tất cả các nhóm yêu thích nhất, nhưng về cường độ thì nhóm tiểu thủ công tỏ ra thích hơn cả, rồi tới nhóm viên chức, công nhân; nhóm tri thức lại tỏ ra ít thích đề tài này bằng các nhóm kia. Đề tài chiến

đấu của phim, kịch được nhóm công nhân thích hơn cả, rồi tới nhóm tiểu thủ công nghiệp, viên chức và cuối cùng vẫn là nhóm trí thức. Trong đề tài phản gián, mức độ yêu thích của các nhóm nghề nghiệp chênh nhau không nhiều lắm, nhưng thích hơn hẳn vẫn là nhóm công nhân. Nếu như sự ham thích của các đề tài luôn luôn ít hơn những nhóm nghề nghiệp khác, thì ở đề tài lịch sử, nhóm trí thức lại tỏ ra thích nhất. Nhóm tiểu thủ công lãnh đạm với đề tài này hơn cả. Ở đây sự ham thích của công nhân và viên chức như nhau (0,9 điểm). Đề tài viễn tưởng được nhóm tiểu thủ công nghiệp thích nhất (1,24 điểm) rồi tới nhóm công nhân, nhóm trí thức, cuối cùng là nhóm viên chức.

Như vậy, đề tài tâm lý xã hội có ưu thế nhất đối với phái nữ, những người tiểu thủ công và nữ thanh niên. Đề tài chiến đấu có ưu thế đối với nam giới, những người trẻ tuổi và công nhân. Đề tài phản gián là đề tài thu hút các đối tượng đều nhất. Đề tài lịch sử yêu cầu khán giả có trình độ hiểu biết về lịch sử, trình độ học vấn và trình độ tư duy nhất định, nên có ít người thích; nó phù hợp với những người làm việc trí óc, với nam giới và những người lớn tuổi.

Qua nghiên cứu, ta thấy hiện đang có sự chênh lệch về tần số đi xem các loại hình nghệ thuật khác nhau. Vì vậy, phải làm cho quần chúng được làm quen với không chỉ một loại hình nghệ thuật nào hay một đề tài nào mà với tất cả các loại hình và đề tài, nhất là đối với những loại hình hiện đang cần khuyến khích như kịch nói.

Việc phân loại công chúng của các loại hình nghệ thuật cũng như nghiên cứu thị hiếu nghệ thuật của họ sẽ giúp cho những người làm công tác nghệ thuật và văn hóa có căn cứ để thúc đẩy việc nâng cao trình độ thưởng thức nghệ thuật của khán giả, làm cho khán giả và nghệ thuật ngày càng gắn bó với nhau hơn.